



# SO SÁNH GIỮA HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI. LIÊN HỆ VIỆT NAM

**Giáo viên hướng dẫn:** PGS. TS Nguyễn Thị Kim Chi  
**Sinh viên thực hiện:** Nguyễn Thị Thu Hiền  
Ngô Phương Linh  
Lê Hoa Thiên Thảo

# NỘI DUNG CHÍNH

1

Phần mở đầu

2

Cơ sở lý luận về ODA và FDI

3

So sánh giữa ODA và FDI

4

Liên hệ và hàm ý cho Việt Nam

5

Kết luận

# PHẦN MỞ ĐẦU

# TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

## Những thành tựu kinh tế nổi bật nhờ ODA và FDI

- GDP nước ta năm 2019 tăng 7,02%; vượt mục tiêu Quốc hội đề ra
- Năm 2019, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt 38,02 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Nhiều dự án ODA đã và đang được thực hiện trên khắp cả nước.

## Nguồn vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro

- Các dự án ODA chậm tiến độ, đội vốn hàng nghìn tỷ đồng. Nhiều doanh nghiệp FDI chuyển giá, trốn thuế, vi phạm các chính sách tài chính tiền tệ
- Nguyên nhân: Hoạt động quản lý và sử dụng thiếu hiệu quả. Hiểu sai bản chất, mục đích của ODA và FDI dẫn đến việc sử dụng sai mục đích ban đầu hay phân bổ các nguồn lực thiếu hợp lý.



**Cần hiểu rõ ưu nhược điểm của từng loại vốn, có sự phân biệt đánh giá rõ ràng để vạch ra những đường lối đúng đắn, phát huy hiệu quả của ODA và FDI**

# TỔNG QUAN TÀI LIỆU

## ODA

- Tonny German and Judith Randel (1998), Daniel Blais, Luc Picard (1997), Chenery và Strout (1966), Lensink và Morrissey, 2000
- Nguyễn Văn Tuấn (2019)
- Nguyễn Thị Vũ Hà (2019)

## FDI

- OECD (2002)
- Thu Trang Le (2015), Wang (2009), Sajid Anwar và Lan Phi Nguyen (2010)
- Nguyễn Thị Thoa (2008), Nguyễn Thị Tuệ Anh (2014), Nguyễn Thị Mai Hương (2018), Nguyễn Thị Thu Hằng (2019)

## SO SÁNH ODA VÀ FDI

- Benmamoun và Lehnert (2013)
- Wang và Balasubramanyam (2011)
- Geon Woo Park (2014)
- Martin và Anguelov (2018)



- Chưa đưa ra được sự so sánh cụ thể và có hệ thống trên phương diện đặc điểm, ưu điểm và nhược điểm
- Chưa được cập nhật với tình hình thực tế và phạm vi không gian nghiên cứu ngoài Việt Nam

## MỤC TIÊU

### Chung

So sánh sự khác nhau giữa hai nguồn vốn ODA và FDI và liên hệ Việt Nam.

### Cụ thể

- Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về ODA, FDI
- Phân tích sự giống và khác nhau giữa ODA và FDI
- Phân tích ưu nhược điểm của ODA và FDI của Việt Nam, từ đó đưa ra kiến nghị về nguồn vốn Việt Nam nên ưu tiên hơn

## ĐỐI TƯỢNG

Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

## PHẠM VI

- Không gian: Việt Nam
- Thời gian: 2000 - 2019

## PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp tổng hợp
- Phương pháp phân tích, so sánh

## CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1. Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) là gì? Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là gì?
2. ODA và FDI giống và khác nhau như thế nào?
3. Những ưu điểm và nhược điểm của ODA và FDI tại Việt Nam là gì? Việt Nam nên ưu tiên nguồn vốn nào hơn?

## ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI

- Làm rõ cơ sở lý luận về ODA và FDI
- So sánh giữa ODA và FDI trên nhiều phương diện khác nhau để làm rõ những điểm giống và khác giữa hai nguồn vốn này. Đặt ODA và FDI trong mối quan hệ tương quan để thấy được sự bổ sung cho nhau của chúng.
- Liên hệ, phân tích ưu điểm và nhược điểm của ODA và FDI tại Việt Nam, từ đó đưa ra kiến nghị về nguồn vốn nên được ưu tiên hơn và các chính sách giúp nâng cao hiệu quả của từng nguồn vốn.

## KẾT CẤU

- **Chương 1:** Cơ sở lý luận về ODA và FDI
- **Chương 2:** So sánh giữa ODA và FDI
- **Chương 3:** Liên hệ và hàm ý cho Việt Nam

# CƠ SỞ LÝ LUẬN

## Khái niệm

- Ủy ban Hỗ trợ phát triển (DAC) của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)
- Ngân hàng thế giới (WB)
- Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính Phủ Việt Nam
- ...

Các khoản viện trợ hoàn lại và không hoàn lại, được tài trợ trong khuôn khổ hợp tác giữa các chính phủ, các tổ chức liên chính phủ hoặc liên quốc gia cho chính phủ và nhân dân các nước đang và chậm phát triển với mục tiêu chính là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân và phát triển bền vững

## Phân loại

### Nguồn cung cấp

- Song phương: trực tiếp từ nước này sang nước kia thông qua hiệp định chính phủ.
- Đa phương: thông qua các tổ chức tài chính quốc tế

### Hình thức hoàn trả

- Không hoàn lại: Nước nhận viện trợ không phải hoàn trả lại vốn
- Có hoàn lại (Vay vốn): Phải hoàn lại vốn theo đúng thời gian quy định.
- Hỗn hợp: 1 phần không hoàn lại và 1 phần cho vay ưu đãi.

### Mục đích sử dụng

- Hỗ trợ cơ bản: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, môi trường.
- Hỗ trợ kỹ thuật: chuyển giao tri thức, công nghệ, xây dựng năng lực, tiến hành nghiên cứu cơ bản hay nghiên cứu tiền đầu tư, phát triển thể chế và nguồn nhân lực

## Khái niệm

- Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)
- Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)
- Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài
- ...

Là việc nhà đầu tư ở một nước khác đưa vốn bằng tiền hoặc bất kỳ một tài sản nào khác vào quốc gia đó để có được quyền sở hữu và quản lý hoặc quyền kiểm soát một thực thể kinh tế tại quốc gia đó với mục tiêu tối đa hoá lợi ích của mình.

## Phân loại

## Mục đích đầu tư

- Đầu tư theo chiều ngang (Horizontal): Đầu tư trong cùng ngành công nghiệp
- Đầu tư theo chiều dọc (Vertical): Đầu tư vào công ty chuyên cung cấp đầu vào sản xuất hoặc đầu ra sản phẩm.

## Phương thức xâm nhập thị trường

- Đầu tư mới (GI): Xây dựng nhà máy mới hoặc mở rộng nhà máy/dây chuyền hiện có
- Mua lại và sáp nhập (M&A): Mua luôn tài sản của doanh nghiệp nước ngoài.

## Hình thức đầu tư

- Luật thương mại Việt Nam: Liên doanh, 100% vốn đầu tư nước ngoài, Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Khác : công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh của các công ty nước ngoài, hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng chuyển giao (BT),...



# SO SÁNH ODA VÀ FDI

## Điểm giống nhau

- Đều là các hình thức tài trợ quốc tế giữa hai quốc gia có quan hệ ngoại giao hoặc ngoại thương
- Bên cung cấp vốn thường là những nước phát triển, có tiềm lực về mặt kinh tế, tài chính.
- Nguồn vốn cho vay hoặc đầu tư thường là ngoại tệ
- Chủ sở hữu vốn và đối tượng nhận vốn đều gặp những cơ hội và thách thức, bất lợi chủ yếu nghiêng về bên nhận vốn.
- Chủ yếu hoạt động thông qua thị trường tài chính quốc gia.



## Điểm khác nhau

	ODA	FDI
1. Chủ sở hữu	<ul style="list-style-type: none"><li>Chính phủ, tổ chức chính phủ quốc tế</li><li>Tổ chức phi chính phủ, tổ chức tài chính quốc tế</li><li>Tổ chức thuộc hệ thống của Liên hiệp quốc</li></ul>	Tư nhân nước ngoài
2. Đối tượng nhận vốn	Các nước đang hoặc kém phát triển	<ul style="list-style-type: none"><li>Chính phủ các nước phát triển và đang phát triển</li><li>Cá nhân hay công ty nước ngoài nắm quyền quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh.</li></ul>
3. Mục đích	Nâng cao phúc lợi, bù đắp thiếu hụt ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội của nước nhận đầu tư	Lợi nhuận và một số lợi ích khác cho chủ đầu tư

	ODA	FDI
4. Phân loại	<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo phương thức hoàn trả: hoàn lại, không hoàn lại, hỗn hợp</li> <li>Theo nguồn cung cấp: song phương, đa phương</li> <li>Theo mục tiêu sử dụng: hỗ trợ cán cân thanh toán, tín dụng thương nghiệp, viện trợ chương trình, viện trợ dự án</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo mục đích đầu tư: đầu tư chiều ngang, đầu tư chiều dọc</li> <li>Theo phương thức thâm nhập thị trường: mua lại và sáp nhập (M&amp;A), đầu tư mới (GI)</li> <li>Theo hình thức đầu tư: doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, hợp đồng hợp tác kinh doanh</li> <li>Khác: công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh của các công ty nước ngoài, hợp đồng BOT, hợp đồng xây dựng chuyển giao BT,...</li> </ul>
5. Cơ cấu vốn	Nước nhận viện trợ cần phải có một phần vốn đối ứng khi nhận ODA	100% vốn nước ngoài
6. Mục đích	Nâng cao phúc lợi, bù đắp thiếu hụt ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội của nước nhận vốn	Lợi nhuận và một số lợi ích khác cho chủ đầu tư

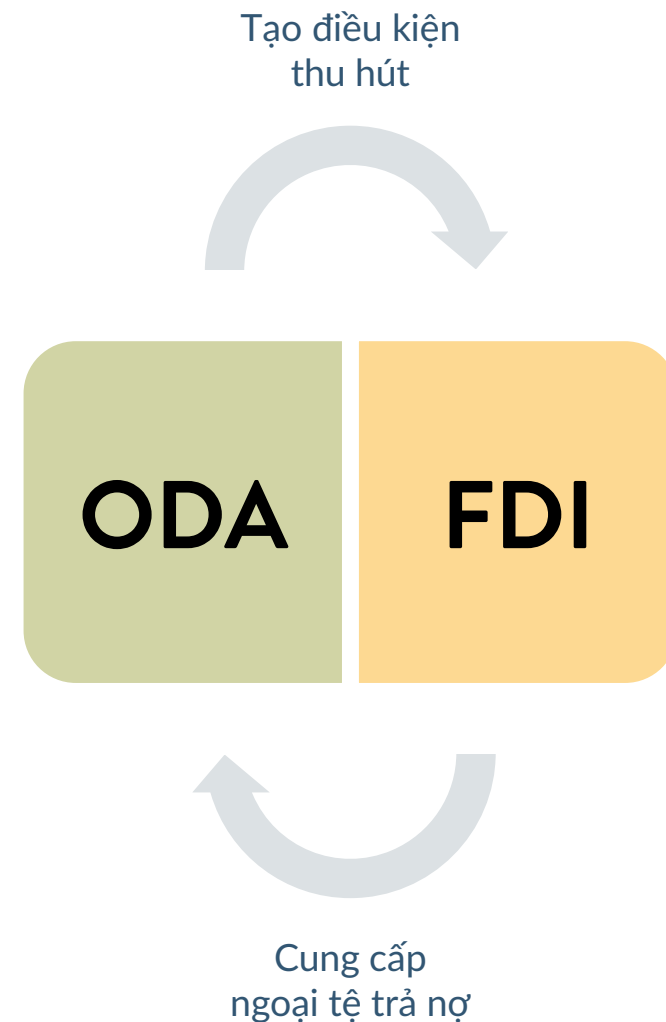
	ODA	FDI
7. Dòng chảy vốn	Chỉ cho các nước đang phát triển, nghèo, kém phát triển	$\frac{3}{4}$ FDI của thế giới chảy vào các nước phát triển, $\frac{1}{4}$ vào các nước đang phát triển
8. Yếu tố ảnh hưởng	Phụ thuộc vào điều kiện của nước nhận vốn, nhạy cảm với thay đổi về mặt xã hội	Phụ thuộc chủ yếu vào môi trường đầu tư
9. Trách nhiệm, quyền quản lý và sử dụng	Nước nhận trực tiếp quản lý và sử dụng vốn, cần tuân thủ những điều kiện của chủ nợ	Chủ đầu tư tự quyết định đầu tư, là người nắm quyền quản lý và sử dụng vốn
10. Tính ưu đãi	Cao	Thấp hơn
11. Tính gây nợ	Cao	Không
12. Tính ràng buộc	Các nhà đầu tư sẽ đưa ra những điều kiện ràng buộc nhất định	FDI không tạo sức ép phải thay đổi chính sách của nước nhận đầu tư, ít ràng buộc chính trị

## Mối quan hệ giữa ODA và FDI

Tuy có những điểm khác biệt nhất định nhưng hai nguồn vốn này có mối quan hệ nhân quả, chặt chẽ và bổ trợ lẫn nhau:

- Ở các nước đang phát triển, ODA là nguồn vốn quan trọng giúp nâng cao cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút FDI.
- Ngược lại, các dự án FDI hoạt động có hiệu quả sẽ tăng xuất khẩu, là nguồn cung ngoại tệ chủ yếu để các nước vay nợ có thể hoàn trả ODA.

Vì vậy, việc kết hợp sử dụng hai nguồn tài lực này là cần thiết, và là yêu cầu đối với các nước đang phát triển. Cần có chiến lược ODA và FDI trong từng giai đoạn một cách đồng bộ, hợp lý.





# LIÊN HỆ VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

# ODA tại Việt Nam

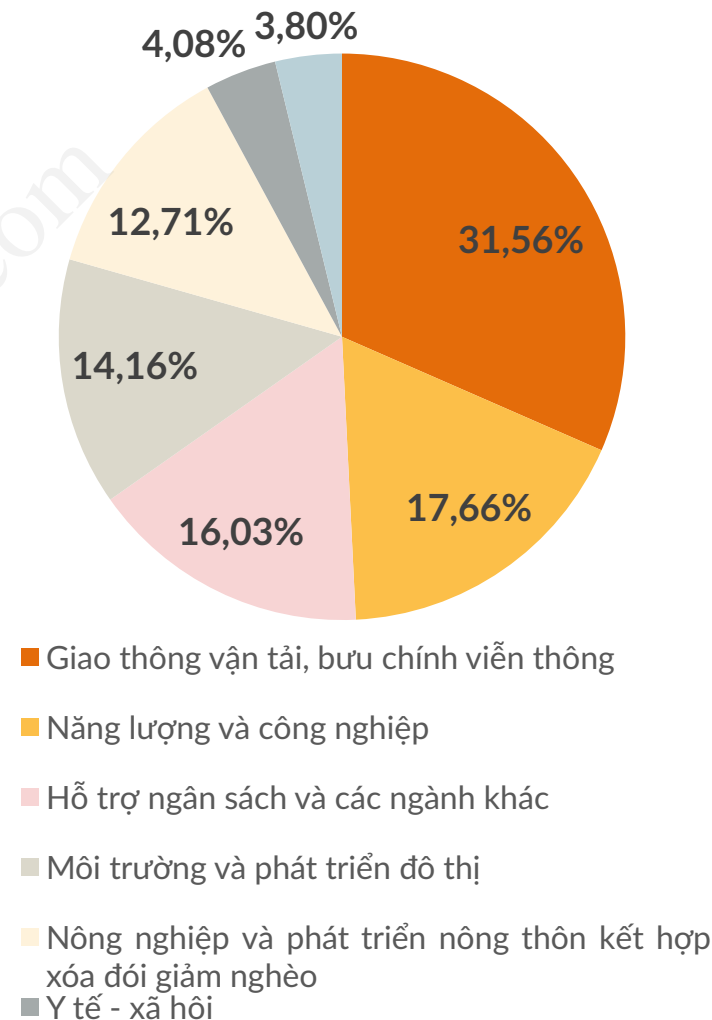
## Ưu điểm

**Nguồn bổ sung vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, nâng cao hệ thống cơ sở hạ tầng**

Giai đoạn 2010 - 2017, ODA cho nhóm *Các dịch vụ và cơ sở hạ tầng kinh tế* chiếm tỷ lệ cao nhất với gần 15,77 tỷ USD

## Điều chỉnh cơ cấu kinh tế

- Vốn vay ODA được ưu tiên sử dụng cho các lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của đất nước
- Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương đều nhận được vốn ODA.



**Cơ cấu ODA theo ngành và lĩnh vực thời kỳ 2000 - 2008**

Nguồn: Số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

# ODA tại Việt Nam

## Ưu điểm

**Nguồn bổ sung vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, nâng cao hệ thống cơ sở hạ tầng**

Giai đoạn 2010 - 2017, ODA cho nhóm *Các dịch vụ và cơ sở hạ tầng kinh tế* chiếm tỷ lệ cao nhất với gần 15,77 tỷ USD

**Điều chỉnh cơ cấu kinh tế**

- Vốn vay ODA được ưu tiên sử dụng cho các lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của đất nước
- Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương đều nhận được vốn ODA.

## Nhược điểm

**Phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi bất kể rủi ro về tỷ giá, hoàn cảnh, tình hình kinh tế**

**Làm tăng gánh nặng nợ nước ngoài**

- Nợ vay ODA của Việt Nam ngày càng tăng qua các năm, gánh nặng đối với nền kinh tế càng ngày càng lớn.
- Giai đoạn 2011-2017, chỉ tiêu nợ nước ngoài của quốc gia so với GDP có xu hướng tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng GDP

**Các chủ nợ có nhiều điều kiện, định chế đi kèm làm chi phí đôi khi còn lớn hơn khoản vay**

Nhiều dự án ODA rơi vào thế lệ thuộc, chịu thiệt và bị đội vốn: Cát Linh - Hà Đông (tăng 9.231,6 tỷ); Bến Thành - Suối Tiên (đội vốn hơn 30.000 tỷ).

# FDI tại Việt Nam

## Ưu điểm

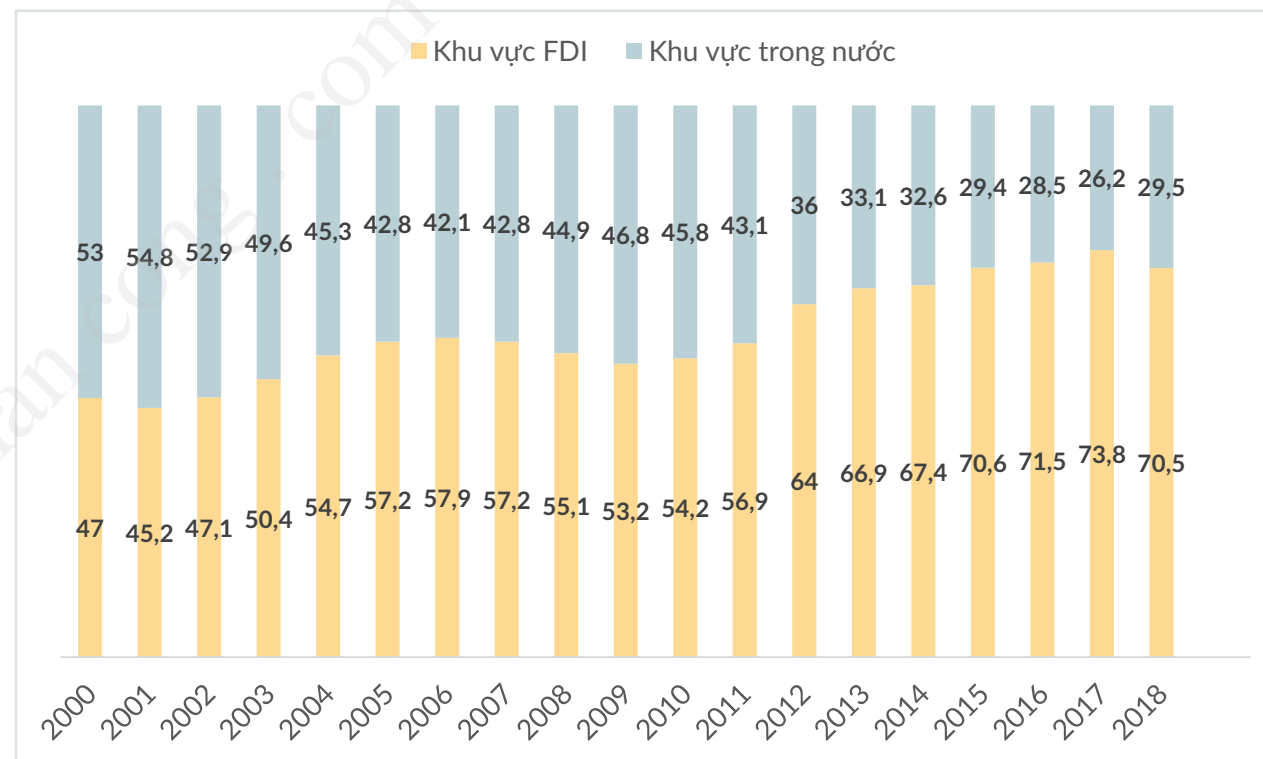
### Nâng cao năng lực xuất khẩu

Xuất khẩu của khu vực FDI luôn tăng dần qua từng năm và trong những năm gần đây, luôn chiếm tỷ trọng trên 50% tổng giá trị xuất khẩu cả nước.

### Đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh

FDI thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, giúp Việt Nam sản xuất được nhiều sản phẩm mới

**Ưu điểm khác: hiệu quả sử dụng cao, không gây gánh nặng nợ, chủ đầu tư khó rút vốn trong thời gian ngắn.**



**Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2000 – 2018 (Đơn vị: %)**

Nguồn: Số liệu từ báo cáo của Tổng cục Hải quan

## ODA tại Việt Nam

### Xếp hạng các quốc gia về chuyển giao công nghệ từ khu vực FDI

Thứ hạng	Quốc gia	Điểm số
2	Singapore	5,9
13	Malaysia	5,4
40	Thái Lan	4,8
44	Indonesia	4,7
49	Trung Quốc	4,7
54	Campuchia	4,6
63	Philippines	4,5
<b>89</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>4,1</b>

Nguồn: Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế thế giới

## Nhược điểm

### Quá trình chuyển giao công nghệ còn chưa được hiệu quả

- 2006 – 2015: trong gần 14.000 dự án FDI có khoảng 600 hợp đồng chuyển giao công nghệ, đạt 4,28%
- Hiệu quả chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp FDI của Việt Nam ở mức rất thấp và ngày càng tụt hậu

### Các nhà đầu tư còn vi phạm các chính sách tài chính, tiền tệ

Nhiều doanh nghiệp trốn thuế, chuyển giá liên tục kê khai lỗ, tuy nhiên vẫn không ngừng mở rộng quy mô

### Nước chủ nhà không được chủ động trong khâu bố trí vốn

Mặc dù là ngành trọng điểm, có nhiều chính sách thu hút đầu tư nhưng tỷ trọng đầu tư vào ngành Nông nghiệp chỉ chiếm gần 6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội

**Chi phí vốn cao, Khiến nền kinh tế bản địa có nguy cơ bị thống trị bởi các xí nghiệp nước ngoài.**

# KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ HÀM Ý

## Hàm ý chính sách

### ODA và FDI đều quan trọng và có ưu nhược điểm riêng:

- FDI có hiệu quả phát triển kinh tế to lớn, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và không gây nợ.
- ODA lại độc lập hơn trong sử dụng và có thể phân bổ cho mục tiêu phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo

**Việc cắt giảm hoàn toàn FDI hoặc ODA và chỉ tập trung vào một nguồn vốn là điều khó có thể** bởi chúng có quan hệ bổ sung lẫn nhau và được sử dụng cho những lĩnh vực khác nhau

#### ODA

- Hạn chế các khoản vay ODA mới.
- Sử dụng cho những mục tiêu đúng đắn
- Sử dụng làm đòn bẩy thúc đẩy thu hút đầu tư tư nhân.

#### FDI

- Trong tương lai nên chú trọng vào thu hút và quản lý FDI
- Cần cải thiện môi trường đầu tư, tăng tác động lan tỏa của FDI

# KẾT LUẬN



Đề tài tìm hiểu về ODA và FDI, phân tích được những điểm giống khác nhau, ưu nhược điểm của hai nguồn vốn này cũng như đề xuất những giải pháp chính sách phù hợp cho Việt Nam.

Hạn chế: chưa phân tích sâu từng tiêu chí so sánh giữa hai loại vốn, chưa có nhiều hàm ý chính sách mới mẻ, một số nhận định có thể chưa chính xác.

Hướng phát triển: sử dụng phương pháp định lượng hoặc phân tích sâu hơn những ưu điểm, nhược điểm và thực trạng hai nguồn vốn này tại Việt Nam, gắn với tình hình thế giới



**CẢM ƠN CÔ VÀ CÁC  
BẠN ĐÃ LẮNG NGHE!**